SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN SK TÂM THẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2024

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai giảm dự toán ngân sách do cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ QĐ số 2430 /QĐ-SYT ngày 14/11/2024 của Sở Y tế Thái nguyên về việc giảm dự toán ngân sách do cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ QĐ số 1249 /QĐ-BVSKTT ngày 10/12/2024 của Bệnh viện Sức khoẻ Tâm thần về việc giảm dự toán ngân sách do cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024;

7. Thời gian - địa điểm

Hôm nay, ngày 10 tháng 12 năm 2024 vào lúc 15 giờ 00 tại Bệnh viện Sức khoẻ Tâm thần Thái Nguyên.

8. Thành phần

7. Chủ toạ: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Giám đốc
8. Thư ký: Bà Quách Thị Bích Phượng - Trưởng phòng TCHC
9. Các thành viên:
   - Bà Trần Thị Định : Trưởng ban TTND
   - Bà Hà Thị Bùi Hảo: Kế toán trưởng

9. Nội dung

Tiến hành lập biên bản về việc niêm yết công khai QĐ số 1249/QĐ-BVSKTT ngày 10/12/2024 về việc điều chỉnh giảm dự toán NSNN năm 2024.

- Hình thức công khai: Niêm yết
- Địa điểm niêm yết: Trang web bệnh viện Sức khoẻ Tâm Thần
- Thời gian niêm yết: Từ 10/12/2024 đến hết ngày 10/01/2025

Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại Tổ chức hành chính, 01 bản lưu hồ sơ kế toán./.

Thư ký	**Chủ toạ**
Quách Thị Bích Phượng	**Nguyễn Tiến Dũng**

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN SỨC KHOẺ TÂM THẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1249/QĐ- BVSKTT

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai việc cắt giảm 5% chi thường xuyên ngân sách năm 2024 của Bệnh viện Sức khoẻ Tâm Thần

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Ngày 10/12/2024 Bệnh viện nhận được Quyết định số 2430/QĐ-SYT ngày 14/11/2024 của Sở y tế Thái Nguyên về việc cắt giảm 5% chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu cắt giảm 5% chi thường xuyên ngân sách năm 2024 của Bệnh viện Sức khoẻ Tâm Thần *(theo biểu đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Phụ trách phòng Tài chính kế toán, kế toán trưởng và các Phòng, Ban liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu :VT, TCHC;TCKT.
(Haohtb)

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN SỨC KHỎE TÂM THẦN

Nguyễn Tiến Dũng

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **Bệnh viện Sức khoẻ Tâm Thần Thái Nguyên**

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1249/QĐ-BVSKTT ngày 10/12 /2024 của Giám đốc Bệnh viện Sức khoẻ Tâm Thần Thái Nguyên)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán giảm
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	Phí	
	Phí …	
	Phí …	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp……..***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	***Lệ phí***	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	Phí	
	Phí …	
	Phí …	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**315 000 000**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	315 000 000
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán giảm
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**315 000 000**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	139 000 000
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	176 000 000
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	

Số TT	Nội dung	Dự toán giảm
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	